



fēng yǔ

风雨

Noun · wind and rain

Example Sentences

tái fēng dài lái le měng liè de fēng yǔ
台风带来了猛烈的风雨。

The typhoon brought fierce wind and rain.

tā měi tiān fēng yǔ wú zǔ dì qù shàng xué
他每天风雨无阻地去上学。

He goes to school every day regardless of wind or rain.

tā měi zhōu dōu qù quán jī guǎn xùn liàn fēng yǔ wú zǔ
他每周都去拳击馆训练，风雨无阻。

He goes to the boxing gym for training every week, rain or shine.

Trace each character, then write the word on your own.

风 风 风 风 风 风 风

雨 雨 雨 雨 雨 雨 雨 雨 雨 雨 雨